TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – ĐIỆN BIÊN** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 02/6/2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Lượng, bà Trần Thị Thúy.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Sùng A Tình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa***: Bà Lường Phương T - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2026/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Lò Thị S - sinh năm 1993. Căn cước công dân số: 011193007824 cấp ngày 17/5/2021, nơi cấp Cục C về trật tự xã hội; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Bản Kép, xã C, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hà Thị T1 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp Nhà nước tỉnh Đ. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lường Văn T2 - sinh năm 1989. Căn cước công dân số: 011089002234, cấp ngày 20/4/2021, nơi cấp Cục C về trật tự xã hội; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Bản Kép, xã C, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lò Thị S trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn Lường Văn T2 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, đến ngày 16/9/2016 hai người đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là UBND xã C, tỉnh Điện Biên).

Sau khi kết hôn, hai người sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, thường xuyên đi làm thuê xa nên ít quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Hai người đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Nguyên đơn thấy không còn tình cảm, không thể chung sống với bị đơn được nữa, do đó nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Lường Văn T2.

Về con chung: Có 01 con chung là Lường Gia B - sinh ngày 01/11/2016. Nguyên đơn đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Trong biên bản ghi lời khai, hòa giải: Bị đơn nhất trí với ý kiến nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, thời gian sống ly thân, hai người có đăng ký kết hôn, về con chung; nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do nguyên đơn đi làm thuê xa, lúc về nhà ít quan tâm, chia sẻ cuộc sống vợ chồng; về hôn nhân bị đơn không đồng ý ly hôn, về con chung bị đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung đến khi thành niên và có khả năng lao động; Bị đơn không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ.

Tại phiên toà, nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về thẩm quyền, trình tự tố tụng: Đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 8; Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình, đề nghị giao cháu L Gia Bảo cho nguyên đơn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động; Về cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ: Các bên không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân chị Lò Thị S được ly hôn với anh Lường Văn T2; Về con chung, đề nghị giao cháu Lường Gia B - sinh ngày 01/11/2016 cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động; Về tài sản chung, nợ không yêu cầu giải quyết; Đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lò Thị S xác định là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại các Điều 51, 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về thẩm quyền giải quyết: Thời điểm nguyên đơn nộp đơn xin ly hôn thì bị đơn Lường Văn T2 có nơi cư trú tại bản K, xã C, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị S và anh Lường Văn T2 là hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn xuất phát từ việc hai người bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, thường xuyên đi làm thuê xa nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau trong cuộc sống, tình cảm giữa hai người đến nay không còn, do đó xác định quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận cho ly hôn.

[3] Về nuôi con chung: Các bên không thống nhất được việc nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy hai bên đều có nguyện vọng nuôi con, có thu nhập ổn định từ lao động thời vụ; điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con như nhau. Sau khi xem xét ý kiến của con từ đủ 07 tuổi trở lên, thấy con có nguyện vọng muốn sống chung cùng với mẹ.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy nguyện vọng nuôi con của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, cần giao cháu L Gia Bảo cho nguyên đơn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ: Các bên không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị S được ly hôn với anh Lường Văn T2.

2. Về chăm sóc, nuôi dưỡng con chung: Giao Lường G - sinh ngày 01/11/2016 cho chị Lò Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

4. Về kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/6/2026).

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 3 - Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Chiềng Sinh, tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự; Người BVQLIHP;
- Lưu: HSVA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tòng Thị Lan